

Viên nén giải phóng có điều chỉnh

Viên nén giải phóng chậm (delayed-release)

- Giải phóng:
 - toàn bộ dược chất out cùng lúc
 - nốc vào sau một lúc thì mới giải phóng
- Gồm
 - Dạng bao tan trong ruột (enteric-coated)
 - Dạng giải phóng tại đại tràng (colon-specific dosage forms)

Các kí hiệu

- Retard
- ER (XR): extended-release
 - PR: prolonged-release (=ER)
- CR: controlled-release
- SR: sustained release
- LA: long-acting

Viên nén giải phóng kéo dài (extended-release)

- Giải phóng
 - dược chất out dần dần
 - duy trì sự giải phóng trong một khoảng thời gian
- Gồm
 - Dạng giải phóng duy trì (sustained-release)
tốc độ không cố định
 - Dạng giải phóng được kiểm soát (controlled-release)
tốc độ cố định